



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Hóa học đại cương (202301) - 39

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15113195	Nguyễn Thanh Bảo	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		4.5		4.0	2.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15113196	Đậu Quang Cảnh	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		4.5		5.0	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15113197	K" Hoàng Hữu Châu	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		4.5		7.0	6.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15113198	Huỳnh Cao Kim Chi	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		5.0		7.0	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15113199	Nguyễn Hữu Diệu	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		7.0		7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	15113200	Bá Bình Dunhy	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		6.0		5.0	5.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15113201	Nguyễn Văn Được	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		6.0		7.0	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15113202	Phan Thị Thu Hiền	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		3.0		5.0	4.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15113203	Huỳnh Ngọc Khánh	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		6.0		5.5	5.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15113204	Đặng Hữu Đăng Khoa	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		0.0		2.5	1.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15113206	Phạm Chí Nghị	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		5.0		3.0	3.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15113207	Lê Phạm Duy Phú	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		3.5		5.5	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15113208	Phạm Công Vương Quang	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		3.0		4.0	3.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15113209	Hà Thạch Thiên	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		1.0		5.0	3.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15113210	Ngô Lâm Thịnh	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		3.5		5.5	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	15113211	Nguyễn Đặng Thư	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		8.0		7.5	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	15113212	Trần Trí Thức	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		4.5		5.0	4.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	15113213	Bach Thu Thủy	DH15NHNT	<i>[Signature]</i>		9.5		8.0	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Hóa học đại cương (202301) - 39

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15113214	Lê Thị Diệu Trân	DH15NHNT			8.0		7.0	7.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	15113215	Nguyễn Thị Thanh Trúc	DH15NHNT			7.0		7.5	7.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	15113216	Nguyễn Anh Tuấn	DH15NHNT			5.0		6.0	5.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	15113217	Nguyễn Khâm Vũ	DH15NHNT			5.0		5.0	5.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	15113264	Hoàng Ngọc Hào	DH15NHNT			7.5		7.0	7.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15113265	Nguyễn Phước Hưng	DH15NHNT			4.5		5.5	5.2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	15113267	Nguyễn Thị Thu Hương	DH15NHNT			10.0		8.0	8.6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	15113268	Tạ Thị Kim Luyến	DH15NHNT			9.0		6.0	6.9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	15113269	Nguyễn Minh Nhật	DH15NHNT			5.0		6.0	5.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	15113271	Trịnh Trần Bảo Phượng	DH15NHNT			10.0		7.5	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	15113272	Quảng Thị Hồng Quà	DH15NHNT			5.0		7.0	6.4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	15113273	Nguyễn Thanh Sang	DH15NHNT			7.5		5.0	5.8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	15113274	Phạm Tấn Sơn	DH15NHNT			6.0		5.0	5.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 23/11/2015 13:24

32/15113270 Lưu Văn Phú DH 15 NHNT 6.0 6.0 6.0